

Số: 79/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 48, điểm c khoản 1 Điều 366, Điều 217, Điều 218, Điều 219; Điều 271; khoản 7, 8 Điều 372; Điều 273; Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 583/HNGĐ-ST ngày 24/4/2026;

Xét thấy, ngày 07/5/2026 ông **Phạm Thế V** và bà **Lê Thị Thu H** là người yêu cầu có đơn xin rút yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 583/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa những người yêu cầu:

Ông Phạm Thế V, sinh năm 1980

CCCD số 030080007214 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 25/4/2021; Nơi cư trú: P.2-6 tòa nhà T H, phường Ô, thành phố Hà Nội.

Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1982

CCCD số 022182013718 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 16/8/2021; Nơi cư trú: P.2-6 tòa nhà T H, phường Ô, thành phố Hà Nội.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

2.1. Các đương sự được quyền yêu cầu, khởi kiện lại.

2.2. Về án phí: Sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010193 ngày 24/4/2026 tại Thi hành **án dân sự thành phố H** (Nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Hà Nội).

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Thẩm phán

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát NDKV2 - Hà Nội;
- Phòng THADSKV2 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

Lê Thị Thu Hường

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

